

Số: 401/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1987, CCCD: số 024087011209 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 07/9/2023;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Vi Thị Kim P, sinh năm 1992, CCCD: số 079192029047 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021;

Địa chỉ: 9 P, phường T, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 218/2010, quyển số 76 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh) cấp ngày 06/11/2015 thì ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không cải thiện được. Xét thấy khả năng hàn gắn là

không có và sự thỏa thuận của hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Vi Tuấn K, sinh ngày 01/05/2015. Ly hôn, ông T và bà P thỏa thuận giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P khai không có.

- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông T và bà P chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Vi Tuấn K, sinh ngày 01/05/2015. Ly hôn, ông T và bà P thỏa thuận giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P khai không có.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tạm ứng lệ phí do ông Bùi Ngọc T và bà Vi Thị Kim P đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0009997 ngày 20/8/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- UBND xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiếu Thuận